

I. Ma trận lớp 10 - Thời gian làm bài: 45 phút

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng% điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			<i>TNKQ</i>	<i>TL</i>	<i>TNKQ</i>	<i>TL</i>	<i>TNKQ</i>	<i>TL</i>	<i>TNKQ</i>	<i>TL</i>	
1	Chủ đề 1. Máy tính và xã hội tri thức	1. Thông tin và xử lý thông tin	3		2		2				17,5% (1.75 điểm)
		2. Vai trò của thiết bị thông minh và tin học đối với xã hội.	3		2		1		1		17,5% (1.75 điểm)
2	Chủ đề 2. Mạng máy tính và Internet	1. Mạng máy tính trong cuộc sống hiện đại.	2		2		2				15,0% (1. 5 điểm)
		2. An toàn trên không gian mạng.	2		2		1				12.5% (1.25 điểm)
3	Chủ đề 3. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số	Ứng xử trên môi trường số. Nghĩa vụ tôn trọng bản quyền.	3		2		1		1		17,5 % (1.75 điểm)
4	Chủ đề 4. Ứng dụng tin học	Phần mềm thiết kế đồ hoạ	3		2		1		2		20,0 % (2.0 điểm)
Tổng			16		12		8		4		40
Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức			40		30		20		10		100% (10 điểm)
Tỉ lệ chung			70				30				100% (10 điểm)

II. Ma trận lớp 11 - Thời gian làm bài: 45 phút

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng% điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			<i>TNKQ</i>	<i>TL</i>	<i>TNKQ</i>	<i>TL</i>	<i>TNKQ</i>	<i>TL</i>	<i>TNKQ</i>	<i>TL</i>	
1	Chủ đề 1. Máy tính và xã hội tri thức	Bài 1. Hệ điều hành	2		2						10,0% (1.0 điểm)
		Bài 3. Phần mềm nguồn mở và phần mềm chạy trên Internet	2		2						10,0% (1.0 điểm)
		Bài 4. Bên trong máy tính			1				2		7,5% (0.75 điểm)
		Bài 5. Kết nối máy tính với các thiết bị số	2		2		1				12,5% (1.25 điểm)
2	Chủ đề 2. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	Bài 6. Lưu trữ và chia sẻ trên Internet	2		2				1		12,5% (1.25 điểm)
		Bài 7 - 8. Thực hành tìm kiếm thông tin trên Internet và nâng cao sử dụng thư điện tử và mạng xã hội	2				1				7,5% (0.75 điểm)
3	Chủ đề 3. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số	Bài 9. Giao tiếp an toàn trên Internet	2				2		1		12,5% (1.25 điểm)
4	Chủ đề 4. Giới thiệu các hệ cơ sở dữ liệu.	Bài 10. Lưu trữ dữ liệu và khai thác thông tin phục vụ quản lí	2		1						7,5% (0.75 điểm)
		Bài 11. Cơ sở dữ liệu			2						5% (0.5 điểm)
		Bài 12. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu và hệ cơ sở dữ liệu	1				2				7,5% (0.75 điểm)
		Bài 13. Cơ sở dữ liệu quan hệ	1				2				7,5% (0.75 điểm)
Tổng			16		12		8		4		40
Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức			40		30		20		10		100% (10 điểm)
Tỉ lệ chung			70				30				100% (10 điểm)

III. Ma trận lớp 12 - Thời gian làm bài: 45 phút

S T T	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC																Tổng số câu		Tổng thời gian	Tỉ lệ % (sau cân chỉnh)	Thời lượng giảng dạy
			NHẬN BIẾT				THÔNG HIỂU				VẬN DỤNG				VẬN DỤNG CAO								
			ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	ch TN	ch TL			
1	§1. Một số khái niệm cơ bản	- Các công việc thường gặp khi xử lý thông tin của 1 tổ chức. - Khái niệm CSDL, hệ QTCSDL. - Hiểu hơn về các thao tác khai thác hồ sơ khi xử lý thông tin trong trường hợp cụ thể.	1	0,8		-	1	1,0		-		-		-		-		-	2	0	1,75	0%	2 tiết
2	§2. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	- Các chức năng cơ bản của hệ QTCSDL - Quy trình xây dựng 1 CSDL - Hiểu rõ vai trò của con người khi làm việc với hệ CSDL. - Ngôn ngữ tạo CSDL phổ biến hiện nay.	2	1,5		-	1	1,0		-	1	1,5		-		-		-	4	0	4	0%	2 tiết
3	§3: Giới thiệu Microsoft Access	- Khái niệm phần mềm Microsoft Access. - Hiểu được chức năng của các đối tượng chính trong Access. - Trình tự các thao tác đúng để tạo được 1 CSDL mới.	3	2,3		-	1	1,0		-	1	1,5		-		-		-	5	0	4,75	0%	2 tiết
4	§4: Cấu trúc bảng	- Biết ý nghĩa của các thành phần trong định nghĩa trường. - Lựa chọn được kiểu dữ liệu phù hợp cho trường Email. - Trình tự các thao tác đúng để tạo được 1 trường mới.	2	1,5		-	1	1,0		-	1	1,5		-	1	2,3		-	5	0	6,25	0%	2 tiết

S T T	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC																Tổng số câu		Tổng thời gian	Tỉ lệ % (sau cân chỉnh)	Thời lượng giảng dạy
			NHẬN BIẾT				THÔNG HIỂU				VẬN DỤNG				VẬN DỤNG CAO								
			ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	ch TN	ch TL			
5	§5: Các thao tác trên cấu trúc bảng	- Biết chế độ cho phép thực hiện cập nhật dữ liệu trên bảng một cách đơn giản. - Lựa chọn được kiểu lọc phù hợp trong trường hợp cụ thể. - Trình tự các thao tác đúng để thực hiện được việc tìm kiếm. - Đặc điều kiện đúng để lọc dữ liệu.	2	1,5		-	2	2,0		-	1	1,5		-	1	2,3		-	6	0	7,25	0%	2 tiết
6	§6: Biểu mẫu	- Biết đối tượng để tạo biểu mẫu và nút lệnh để đưa 1 trường vào biểu mẫu. - Nhận biết cách thay đổi hình thức biểu mẫu trong chế độ thiết kế. - Trình tự các bước để tạo được biểu mẫu theo chế độ thuật sĩ trong Access.	2	1,5		-	1	1,0		-	1	1,5		-		-		-	4	0	4	0%	1
7	§7: Liên kết giữa các bảng	- Khái niệm liên kết bảng. - Thao tác sửa, xóa liên kết bảng. - Trình tự các bước để tạo được liên kết bảng trong Access.	2	1,5		-	2	2,0		-	1	1,5		-	1	2,3		-	6	0	7,25	0%	2 tiết

S T T	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC																Tổng số câu		Tổng thời gian	Ti lệ % (sau cân chỉnh)	Thời lượng giảng dạy
			NHẬN BIẾT				THÔNG HIỂU				VẬN DỤNG				VẬN DỤNG CAO								
			ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	ch TN	ch TL			
8	§8: Truy vấn dữ liệu	- Biểu thức đúng trong Access khi tạo 1 trường mới trong mẫu hỏi. Nút lệnh Total. - Trình tự các bước khi thiết mẫu hỏi. - Xác định được các điều kiện đúng để tạo mẫu hỏi trong từng trường hợp cụ thể.	2	1,5		-	3	3,0		-	2	3,0		-	1	2,3		-	8	0	9,75	0%	2 tiết
TỔNG			16	12	0	0	12	12	0	0	8	12	0	0	4	9	0	0	40	0	45	0%	15 tiết
TỈ LỆ			40%				30%				20%				10%								
TỔNG ĐIỂM			4				3				2				1								10,00

Ngày 01 tháng 12 năm 2023

Tổ trưởng bộ môn

Phạm Quốc Văn